

Phương pháp giảng dạy môn lí thuyết ngôn ngữ tiếng Hàn (từ thực tiễn môn Ngôn ngữ học 1)

Hoàng Thị Yến*

*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 24 tháng 04 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 02 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 04 tháng 03 năm 2016

Tóm tắt: Bài viết là kết quả vận dụng đường hướng giao tiếp vào thực tế giảng dạy các môn lí thuyết ngôn ngữ tiếng Hàn. Bài viết chia sẻ phương pháp giảng dạy các môn lí thuyết ngôn ngữ được cụ thể hóa thành các hoạt động học và hệ thống bài tập nhằm củng cố và nâng cao kiến thức cho người học. Để giúp người học có thể thụ đắc và vận dụng các kiến thức và kĩ năng mục tiêu một cách hiệu quả nhất, cần phải xây dựng giáo trình, tài liệu tham khảo đạt chuẩn cho các môn học lí thuyết ngôn ngữ đồng thời không ngừng bồi dưỡng giáo viên và đổi mới phương pháp tổ chức dạy – học.

Từ khóa: Môn lí thuyết ngôn ngữ, hoạt động học, phương pháp giảng dạy, môn Ngôn ngữ học 1, tiếng Hàn.

Mở đầu

Điều chỉnh cho phù hợp, hay cao hơn nữa là đổi mới phương pháp dạy – học các môn lí thuyết là nhiệm vụ quan trọng nhằm đáp ứng những yêu cầu về Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (CTĐT) mới (áp dụng từ khóa QH 2012) của Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN. Chúng tôi vận dụng vốn hiểu biết về giáo học pháp, kinh nghiệm giảng dạy của bản thân vào thực tiễn giảng dạy các môn lí thuyết ngôn ngữ; chia sẻ phương pháp dạy môn Ngôn ngữ học (NNH) 1 với các hoạt động học và bài tập nhằm củng cố và nâng cao kiến thức cho người học. Việc vận dụng các phương pháp, lí luận giáo học pháp vào thực tiễn một

môn học cụ thể đã thể hiện rõ tính mới của một nghiên cứu ứng dụng. Tính mới của bài viết này thể hiện ở sự điều chỉnh khi vận dụng các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với đặc trưng của các nội dung giảng dạy cụ thể của môn NNH 1 (tiếng Hàn); sự kết hợp linh hoạt trong việc tổ chức hướng dẫn, giám sát và đánh giá các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm tương tác. Bài viết cũng đề xuất các giải pháp khắc phục cho các vấn đề còn tồn tại.

1. Một số khái niệm tiền đề

1.1. Vị trí các môn lí thuyết ngôn ngữ trong CTĐT mới

Trong CTĐT mới [1] áp dụng cho khóa QH 2012, có 07 môn lí thuyết ngôn ngữ, trong đó

*ĐT.: 84- 972157070

Email: yenthanh25@vnu.edu.vn

có hai môn bắt buộc là NNH 1 (03 tín chỉ) và NNH 2 (03 tín chỉ). Môn NNH 1 được xác định dạy vào kì 5 với hai nội dung: i) Đại cương về các phân ngành NNH; ii) Từ vựng học. Môn NNH 2 dạy vào kì 6 với hai nội dung: i) Ngữ âm và ii) Cú pháp học. Các môn tự chọn gồm có 05 môn (NNH Đối chiếu, Ngữ dụng học tiếng Hàn, Hình thái học tiếng Hàn, Hán tự tiếng Hàn, NNH Xã hội), mỗi môn 03 tín chỉ và chọn 01 môn. Môn NNH Đối chiếu được Khoa NN&VH Hàn Quốc chọn dạy nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng nghiên cứu cho người học, góp phần củng cố và hệ thống kiến thức NNH mà người học đã được tiếp thụ. Môn NNH Xã hội được chọn dạy với tư cách là một trong hai môn thay cho thi tốt nghiệp vào kì 8 (2015 – 2016).

Các môn lí thuyết ngôn ngữ giúp người học có cái nhìn khái quát và sâu sắc hơn về các lĩnh vực ngôn ngữ (tiếng Hàn), có ảnh hưởng lớn đến năng lực thực hành tiếng của người học bởi những mục tiêu và yêu cầu mà nó hướng tới. NNH 1 trang bị cho người học vốn kiến thức đại cương về các phân ngành NNH; đặc trưng về cấu trúc, hình thái, ý nghĩa của từ vựng tiếng Hàn. Qua đó, người học hình thành tư duy khoa học một cách tự nhiên; các kỹ năng tóm tắt, thuyết trình, thảo luận nhóm; năng lực làm việc độc lập, khả năng sáng tạo dần hình thành và phát triển.

1.2. Nguyên tắc giảng dạy các môn lí thuyết ngôn ngữ

Hoàng Thị Yên [2] xác định 7 nguyên tắc cơ bản trong giảng dạy các môn lí thuyết, và chúng cũng phù hợp với thực tiễn dạy - học các môn lí thuyết ngôn ngữ:

1.3. Nội dung giảng dạy môn Ngôn ngữ học 1

Nội dung giảng dạy môn NNH1 [3] được xác định như sau:

Khái quát về ngôn ngữ học
Các phân ngành ngôn ngữ học (1)
Các phân ngành ngôn ngữ học (2)
Các phân ngành ngôn ngữ học (3)
Các phân ngành ngôn ngữ học (4)

1) Đảm bảo tính hệ thống, tính thực dụng, tính dân tộc của nội dung giảng dạy;

2) Đảm bảo phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Hàn Quốc cho người học;

3) Đảm bảo các môn lí thuyết ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các nội dung chuyên ngành mang tính khoa học cơ bản, phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra, đặc điểm lứa tuổi và năng lực ngôn ngữ, môi trường sinh hoạt và học tập của người học;

4) Tập trung đi sâu làm rõ, nhấn mạnh điểm khác biệt về ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, các thành tố văn hóa hai dân tộc Hàn – Việt thể hiện qua ngôn ngữ;

5) Đảm bảo người học luôn là chủ thể của quá trình dạy - học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn theo đường hướng giao tiếp trong giảng dạy. Cần tổ chức linh hoạt các hoạt động cá nhân và hoạt động tương tác nhằm rèn ý thức tự giác, tinh thần độc lập và kỹ năng làm việc nhóm cho người học;

6) Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học các môn thực hành và lí thuyết; đảm bảo tính tích hợp của nội dung giảng dạy, tích hợp 4 kỹ năng giao tiếp, tích hợp với nội dung có liên quan của các môn học trong CTĐT tiếng Hàn chuẩn (kể cả các môn học bằng tiếng Việt, đặc biệt các môn về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam);

7) Đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo của nội dung giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu người học, yêu cầu đổi mới nội dung dạy – học, vận dụng phù hợp với điều kiện dạy và học, có tính đến sự phát triển trong tương lai.

Khái quát về từ vựng học + Phân loại từ theo nguồn gốc hình thành
Phân loại từ theo từ loại (1)
Phân loại từ theo từ loại (2)
Phân loại từ theo cấu tạo (1)
Phân loại từ theo cấu tạo (2)
Phân loại từ theo quan hệ ngữ nghĩa (1)
Phân loại từ theo đặc trưng ngôn ngữ học xã hội (2)
Lỗi dùng từ

So với CTĐT cũ, nội dung giảng dạy của môn học được xây dựng trên cơ sở môn Từ vựng, tích hợp thêm phần giới thiệu về NNH và các phân ngành của NNH (chiếm khoảng 1/3 thời lượng chương trình). Theo đó, hướng tiếp cận môn học cũng được điều chỉnh cho phù hợp với đặc trưng của từng phần nội dung giảng dạy. Cụ thể là:

1) Nội dung giới thiệu khái quát về các phân ngành ngôn ngữ học mang tính chất khá trừu tượng và khó đối với người học. Vì thế, người dạy có thể thuyết trình các nội dung cơ bản kết hợp với các hoạt động cá nhân và nhóm nhằm rèn các kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng tóm tắt, phân tích tổng hợp, thuyết trình ngắn, thảo luận...

2) Nội dung các kiến thức về từ vựng, về cơ bản vẫn giữ nguyên, tương đương với 2 tín chỉ (chiếm 2/3 thời lượng chương trình); có điều chỉnh, cập nhật ít nhiều về nội dung giảng dạy. Có thể tổ chức kết hợp giữa hoạt động thuyết trình nhóm và việc chỉnh sửa, bổ sung kiến thức của người dạy. Bên cạnh đó, kết hợp linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động cá nhân và nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học cụ thể do người dạy đề ra nhằm giúp người học hiểu chính xác, củng cố và khắc sâu, nâng cao và vận dụng kiến thức...

2. Các dạng hoạt động học tập

Các hoạt động học tập vận dụng trong quá trình dạy – học môn NNH1 cũng gồm có hoạt động cá nhân mang tính độc lập và hoạt động cặp/nhóm mang tính tương tác. Để đạt hiệu quả

dạy - học cao cần kết hợp linh hoạt và phù hợp các hoạt động học tùy theo mục đích và yêu cầu người dạy đề ra đối với từng nội dung kiến thức cụ thể.

2.1. Các hoạt động cá nhân - độc lập

Hoạt động cá nhân là hoạt động học của cá nhân người học được thực hiện một cách độc lập dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của người dạy. Nhằm làm tăng hiệu quả của các hoạt động cá nhân và dành nhiều thời gian trên lớp cho các hoạt động tương tác, nên bố trí cho người học thực hiện phần lớn các bài tập cá nhân trước và sau giờ học. Với môn NNH 1, thích hợp nhất là các bài tập chuẩn bị tìm hiểu về kiến thức trước giờ học và các bài tập chỉnh sửa, tổng hợp kiến thức sau giờ học. Hoạt động cá nhân trên lớp chú trọng vào việc tạo cơ hội cho người học thể hiện sự hiểu biết về kiến thức chuyên môn của môn học thông qua các kỹ năng thực hành tiếng. Hoạt động cá nhân có thể thực hiện ở trên lớp hay bên ngoài lớp học theo thứ tự thời gian như sau:

2.1.1. Hoạt động cá nhân trước giờ học

2.1.1.1. Các hoạt động cá nhân trước giờ học

Hoạt động cá nhân trước giờ học hướng tới mục tiêu chuẩn bị về tâm thế cũng như kiến thức, kỹ năng cho giờ học chính khóa. Các hoạt động chuẩn bị có thể bao gồm:

- Đọc trước nội dung bài học theo yêu cầu cụ thể của người dạy: i) Đọc lướt để tìm hiểu về vấn đề bài học đề cập; ii) Đọc kỹ (không sử dụng từ điển) để hiểu, nắm bắt nội dung chính;

iii) Đọc có tra từ/cấu trúc ngữ pháp khó để hiểu cặn kẽ bài học.

- Tóm tắt nội dung chính của bài học bằng cách sử dụng kết hợp các phương pháp: i) Lập dàn ý bài học bằng cách tóm tắt gạch đầu dòng các ý chính theo đề mục chính của bài học; ii) Vẽ sơ đồ/lập bảng thể hiện nội dung bài học... tùy theo đặc điểm về logic của nội dung đoạn/bài.

- Dịch lược ý bài học hoặc dịch đoạn/phần nội dung được xác định sang tiếng Việt.

- Hệ thống các thuật ngữ/từ mới xuất hiện trong bài, chuyển dịch sang tiếng Việt.

- Làm bài tập sau mỗi bài học (nếu có).

Bên cạnh đó, khi tham gia thực hiện các nhiệm vụ học được phân theo nhóm, người học cũng cần thực hiện phần việc của mình được nhóm phân công một cách độc lập và chủ động, có trách nhiệm. Kết quả của hoạt động cá nhân này sẽ ảnh hưởng tới cả nhóm.

2.1.1.2. Ví dụ về bài tập cá nhân trước giờ học

Bài tập cá nhân trước giờ học hướng tới yêu cầu người học đọc trước nội dung giảng dạy, nắm những mục/phần nội dung chính. Đây là cơ sở để người học có thể tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, khắc sâu kiến thức khi lên lớp. Người dạy cần chuẩn bị hệ thống bài tập cụ thể, yêu cầu người học đọc và thực hiện bài tập trước giờ lên lớp. Ví dụ:

Với phần Nội dung khái quát về NNH [4]

1) Trên cơ sở tìm hiểu về khái niệm Ngôn ngữ học, hãy tự tổng hợp và khái quát thành một khái niệm của riêng mình.

2) Các phân ngành của NNH là gì?

Để đánh giá chính xác thái độ, ý thức của người học, có thể yêu cầu người học phô tô và nộp một bản bài tập vào đầu giờ học, một bản người học giữ để bổ sung hoàn thiện sau khi nghe ý kiến phản hồi, nhận xét của người dạy. Căn cứ vào đó, có thể giám sát được số lượng và chất lượng của bài tập cá nhân theo từng tuần học, hình thành ý thức tự giác, ý thức tự nghiên cứu và hoạt động độc lập của người học, nâng cao chất lượng giờ dạy.

2.1.2. Hoạt động cá nhân trong giờ học

2.1.2.1. Các hoạt động cá nhân trong giờ học

Các môn học lí thuyết có số tín chỉ là 03, mỗi tuần có 03 tiết, thường được bố trí liên nhau. Với quan điểm tuân theo nguyên tắc ưu tiên cho các hoạt động tương tác giữa các cặp/nhóm người học, tương tác giữa người dạy với người học hay hoạt động thuyết giảng của người dạy, các hoạt động cá nhân trong giờ học được chọn lọc và giảm thiểu đến mức tối đa, chủ yếu tập trung vào thiết kế các hoạt động để người học có thể thể hiện các năng lực, kĩ năng và kiến thức của bản thân. Có thể đưa ra một vài hoạt động cá nhân trong giờ chính khóa như sau:

- Rèn phản xạ và khả năng biểu đạt bằng bút ngữ hay khẩu ngữ để giải quyết vấn đề mà người dạy đưa ra trong giờ học hoặc nội dung/vấn đề đã được chuẩn bị ở nhà.

- Củng cố, khắc sâu kiến thức bằng cách biểu đồ/sơ đồ hóa toàn bộ hoặc một phần/đoạn nội dung bài học.

- Rèn năng lực đọc nhanh lấy thông tin với bài đọc thêm nhằm mở rộng, khắc sâu kiến thức.

- Hình thành năng lực đánh giá sản phẩm hoạt động học của các bạn khác (thể hiện bằng bút ngữ (bài viết) hay khẩu ngữ (nội dung thuyết trình)).

- Phát triển kĩ năng nghe hiểu, ghi chép các ý chính trong lời giảng của người dạy ...

- Thực hiện bài tập kiểm tra mức độ nắm kiến thức, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn.

2.1.2.2. Ví dụ về bài tập cho hoạt động cá nhân trong giờ học

Dưới đây là ví dụ hai bài tập kiểm tra kiến thức về loại hình ngôn ngữ của người học. Với dạng bài tập này, người dạy có thể đưa ra vào đầu giờ học để kiểm tra mức độ chuẩn bị bài tập cá nhân ở nhà của người học; cũng có thể dùng để kiểm tra nhanh vào cuối giờ học hoặc tuần sau đó để kiểm tra mức độ nắm và nhớ các kiến thức cơ bản của người học.

1. Dưới đây là đặc trưng của các loại hình ngôn ngữ phân theo trật tự từ trong câu. Nếu đúng đánh dấu (o), sai đánh dấu (x).

1) SOV구조란 동사-주어-목적어 순서를 취하는 언어이다.	
2) SOV 언어들은 문장의 통사적 안정도가 낮으므로 자유 어순을 나타내지 않는 것이다.	
3) SVO구조란 주어-동사-목적어의 구조로 되어있는 언어이다.	
4) VSO 구조란 주어-목적어 -동사 의 순서로 구성된 언어이다.	
5) SVO 어순의 언어들은 어순의 자유도가 낮아서 어순이 뒤바뀌면 문장의 의미가 뒤바뀌는 경우가 많다.	
6) 고정된 어순을 나타내는 언어는 영어, 독일어, 러시아어, 마인어, 베트남어 등이다.	

2. Những đặc trưng sau là của loại hình ngôn ngữ nào trong các ngôn ngữ đơn lập, khuất chiết, chấp dính? Hãy đọc kĩ và viết tên của loại hình ngôn ngữ phù hợp.

1) 단어의 형태가 변화하지 않다.	
2) 단어의 형태가 변함으로 인해 문장 속에서의 문법적 의미를 나타내는 언어다.	
3) 일반적으로 한 단어가 2개 이상의 형태소로 이루어지다.	
4) 어근에 접사가 결합되어 문장 내에서의 각 단어의 문법적인 기능을 나타낸다.	
5) 각 단어의 문법적 기능이 어순에 의해 결정되는 것이다.	
6) 일반적으로 하나의 접사가 하나의 기능만을 가지고 있다.	
7) 하나의 형태소가 여러 문법 정보를 복합적으로 나타낸다.	

2.1.3. Hoạt động cá nhân sau giờ học

Nếu người học ôn tập và chính lí nội dung, kiến thức đã học càng sớm thì hiệu quả ghi nhớ càng cao. Vì thế, người dạy có thể không ché thời gian để yêu cầu người học trả bài – gửi qua hộp thư điện tử các sản phẩm của hoạt động cá nhân sau giờ học, bao gồm:

- 1) Tóm tắt lại nội dung bài học (tóm tắt đoạn/gạch ý hay vẽ sơ đồ) theo yêu cầu của người dạy theo hướng tổng hợp, khái quát các vấn đề đặc trưng.
- 2) Nội dung dịch ý các đoạn quan trọng sang tiếng Việt theo yêu cầu của người dạy nhằm kiểm tra, xác nhận lại mức độ nắm kiến thức của người học.
- 3) Rà soát lại bảng thuật ngữ Hàn – Việt trong phạm vi bài học trong tuần.
- 4) Bài tập kiểm tra mức độ nắm và vận dụng lí thuyết đã học.

* Lưu ý: Hoạt động cá nhân mang tính độc lập và nên thực hiện chủ yếu ngoài giờ học. Để nâng cao chất lượng dạy và học, giúp người học phát triển năng lực và kĩ năng làm việc độc lập, tinh thần và thái độ tự giác, trách nhiệm với bản thân, người dạy cần đặt ra các qui định cụ thể

về nội dung công việc, cách thức thực hiện, yêu cầu cần đạt và thời hạn nộp sản phẩm. Việc phản hồi kịp thời về số lượng và chất lượng hoàn thành của các bài tập cá nhân cũng như qui chế xử phạt/dộng viên rõ ràng cũng giúp duy trì nề nếp và thái độ làm việc của người học.

2.2. Các mô hình hoạt động tương tác

Có thể nói, đường hướng giao tiếp lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy học trong giảng dạy ngôn ngữ thể hiện rõ nét nhất trong các hoạt động tương tác. Thông qua các hoạt động tương tác sử dụng ngoại ngữ (tiếng Hàn), người học cùng phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ học tập được người dạy giao. Mức độ thành công của hoạt động tương tác theo cặp/nhóm được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, chất lượng sản phẩm hoạt động nhóm của người học. Hoạt động tương tác có thể được thiết kế và tiến hành trước giờ học, trong giờ học và sau giờ học. Với môn NNH 1 được giảng dạy ở kì 5, các hoạt động tương tác cần hướng đến mục tiêu giúp người học tiếp thu và vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, đồng thời giúp nâng cao kĩ năng thực hành tiếng tổng hợp.

2.2.1. Hoạt động tương tác trước giờ học

2.2.1.1. Các hoạt động tương tác trước giờ học

Việc tổ chức và thực hiện các hoạt động tương tác trước và sau giờ học có những khó khăn nhất định do mỗi cá nhân đều có những điều kiện học tập và sinh hoạt riêng. Tuy nhiên, công nghệ thông tin đã góp phần không nhỏ trong việc giảm thiểu những khó khăn này. Có thể gợi ý vài dạng thức hoạt động tương tác trước giờ học như sau:

1) Thảo luận để xác định nội dung và phương thức thực hiện bài tập nhóm; phân công phần việc cụ thể cho mỗi cá nhân.

2) Tổng hợp và trao đổi ý kiến, đánh giá về kết quả làm việc của mỗi cá nhân, thông qua sản phẩm cuối cùng trước khi nộp hoặc/và thuyết trình.

2.2.1.2. Ví dụ về hoạt động tương tác trước giờ học

Các bài tập cho các hoạt động tương tác trước giờ học thường là chuẩn bị nội dung thuyết trình theo cặp/nhóm (với các học liệu đã có); tóm tắt nội dung của bài mới (dung lượng dài và khó); thu thập và xử lý thông tin, tổng hợp viết báo cáo theo yêu cầu của người dạy... Ví dụ:

Với phần Nội dung khái quát về NNH [4]

1) Tìm hiểu và tóm tắt về các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu của thế kỉ 20.

2) Hãy kể tên các loại hình ngôn ngữ (theo cấu trúc hình thái và trật tự từ trong cấu trúc câu), cho ví dụ các ngôn ngữ tiêu biểu cho loại hình đó.

3) Thu thập thông tin tiếng Hàn, tiếng Việt về các phân ngành NNH, viết tóm tắt giới thiệu khái quát khoảng 2 trang tiếng Hàn.

* Hạn chế: Do người dạy không có khả năng giám sát được hoạt động tương tác trước giờ học, người học thường có xu hướng tiến hành giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ.

2.2.2. Hoạt động tương tác trong giờ học

Trong giờ học, các cặp/nhóm giao tiếp với nhau bằng ngoại ngữ nhằm thực hiện tốt nhiệm

vụ học tập dưới sự giám sát của người dạy. Có thể tổ chức các hoạt động cặp nhóm gợi ý như sau:

2.2.2.1. Tương tác giữa người học với người học

a. Các dạng hoạt động tương tác gợi ý

1) Hoạt động trao đổi nhằm đánh giá, hoàn thiện bài tập tóm tắt nội dung chính.

2) Hoạt động thảo luận nhằm đọc hiểu và/hoặc tóm tắt và/hoặc hỏi – trả lời về nội dung tài liệu liên quan được phát tại lớp (có giới hạn thời gian).

3) Hoạt động kiểm tra chéo về nội dung kiến thức, vốn thuật ngữ của người học.

4) Thuyết trình nội dung được phân công, thực hiện tương tác giữa các thành viên trong nhóm và với người dự.

b. Ví dụ về hoạt động tương tác giữa người học với người học

1) Thuyết trình và thảo luận về các trường phái ngôn ngữ học tiêu biểu của thế kỉ 20.

2) Thuyết trình và thảo luận về đặc trưng các loại hình ngôn ngữ (theo cấu trúc hình thái và trật tự từ trong cấu trúc câu)...

3) Thuyết trình và thảo luận về đặc trưng cơ bản của các phân ngành NNH.

4) Thuyết trình và thảo luận các nội dung về phân loại từ theo nguồn gốc hình thành, theo từ loại, theo phương thức cấu tạo, theo quan hệ ngữ nghĩa...

Các nhóm phát biểu và cả các nhóm không phát biểu đều phải chuẩn bị nội dung học theo yêu cầu. Chỉ có một điểm khác, các nhóm thuyết trình chuẩn bị thêm tài liệu PPT để trình chiếu. Các nhóm khác đối chiếu với phần nội dung nhóm mình chuẩn bị, đưa ra các ý kiến thảo luận.

2.2.2.2. Tương tác giữa người học với người dạy

a. Các dạng hoạt động tương tác gợi ý

1) Người dạy kiểm tra mức độ nắm kiến thức qua bài tập ở nhà của cá nhân/nhóm; phát hiện lỗ hổng kiến thức và bổ sung kịp thời qua hệ thống câu hỏi về nội dung bài học.

2) Người dạy chữa bài tóm tắt nội dung tài liệu trên cơ sở nhận phản hồi của người học.

3) Người dạy kiểm tra mức độ nắm và hiểu/năng lực tóm lược nội dung tài liệu của người học khi tiếp xúc và làm việc với tài liệu được phát tại lớp trên cơ sở nhận phản hồi của người học.

4) Người dạy kiểm tra nhanh, ngẫu nhiên một vài người học bằng hình thức khẩu ngữ, hoặc kiểm tra toàn thể người học bằng bút ngữ về mức độ nắm và hiểu, vận dụng kiến thức, vốn thuật ngữ và từ mới.

5) Người dạy đánh giá chất lượng và bổ sung thiếu khuyết trong sản phẩm của hoạt động nhóm. Với các bài thuyết trình/bài tập lớn được thực hiện bởi nhóm người học, người dạy

(1) Hãy đọc những khái niệm dưới đây. Nếu đúng với đặc trưng của từ vựng tiếng Hàn đánh dấu (O), nếu sai đánh dấu (x).

1	음운 교체에 의한 어감의 차이가 잘 나타난다.	
2	동음이의어가 많은 것이 아니다.	
3	체언이 격에 따라 그 단어 형태가 변화하지 않다.	

(2) Hãy viết lại theo trí nhớ những thông tin về hình vị tiếng Hàn.

- 1> 형태소란
- 2> 형태소의 유형은 2가지로 나뉘는데

2.2.3. Hoạt động tương tác sau giờ học

Sau giờ học, các hoạt động học thường hướng đến mục tiêu hoàn thiện sản phẩm của các hoạt động học trước giờ học và trong giờ học. Các nhóm trao đổi, thảo luận để xác định và chỉnh sửa, gửi nộp bài tập đã chỉnh sửa qua hòm thư điện tử cho cả lớp và người dạy.

* **Lưu ý:** Nhằm đảm bảo các hoạt động tương tác đạt hiệu quả, người dạy cần xác định rõ nhiệm vụ học tập, phương thức thực hiện và các yêu cầu của sản phẩm hoạt động cần đạt được. Việc giám sát quá trình hoạt động nhóm, tiến hành phản hồi đối với sản phẩm hoạt động tương tác rất cần thiết và quan trọng, vì vậy, người dạy cần lưu tâm để đảm bảo các nhóm làm việc nghiêm túc và trung thực.

3. Các loại hình bài tập củng cố, nâng cao kiến thức

Với các môn lí thuyết ngôn ngữ, hệ thống

cần thuyết giảng bổ sung hay có nhận xét trực tiếp, cụ thể để nhóm người học hoàn thiện sản phẩm.

b. Ví dụ về hoạt động tương tác giữa người dạy và người học

1) Sau khi nhóm thuyết trình trình bày nội dung bài học, các nhóm tiến hành thảo luận, người dạy nhận xét về nội dung và hình thức của tài liệu PPT, mức độ lưu loát, trôi chảy khi thuyết trình; giải đáp các thắc mắc của người học; điều chỉnh các ý kiến chưa xác đáng, các cách hiểu chưa chính xác của người học.

2) Người dạy cho người học làm việc theo nhóm hoặc cá nhân nhằm giải quyết các bài tập củng cố, nâng cao kiến thức chuyên môn, đơn cử như sau:

bài tập nhằm giúp người học khám phá, hiểu và củng cố, nâng cao kiến thức đóng một vai trò quan trọng. Các bài tập này được biên soạn dựa trên sự phán đoán về các nội dung chính và quan trọng của bài học. Hệ thống bài tập tốt cần kết hợp được yêu cầu vừa bám sát nội dung bài, vừa hướng tới việc vận dụng các kiến thức lí luận vào thực tế sử dụng ngôn ngữ; vừa hướng tới mục tiêu rèn những kĩ năng riêng lẻ, vừa nâng cao các kĩ năng tổng hợp... Dưới đây là một số dạng thức bài tập gợi ý.

3.1. Bài tập rèn kĩ năng riêng lẻ

- 1) Bài tập với các câu hỏi yêu cầu trả lời về nội dung của bài/ đoạn văn;
- 2) Bài tập với các câu hỏi yêu cầu chọn đúng - sai;
- 3) Bài tập với các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn 01 đáp án;
- 4) Bài tập yêu cầu điền từ vào chỗ trống

- Điền từ phù hợp với nội dung của đoạn/câu
 - Điền phương thức dùng kính ngữ phù hợp với ví dụ cho trước
 - Điền thuật ngữ phù hợp với lời giải thích tương ứng
 - Xác định thuật ngữ phù hợp với phụ tố ngữ pháp được đánh dấu trong câu
 - Thêm lời giải thích phù hợp với thuật ngữ cho trước
- 5) Bài tập yêu cầu nói/liên kết phù hợp
- Nói thuật ngữ với lời giải thích phù hợp
 - Nói mô hình cấu trúc với hình thái tương ứng của từ
- 6) Bài tập yêu cầu chuyển dịch thuật ngữ
- Dịch thuật ngữ sang tiếng Việt.
- 7) Bài tập yêu cầu dịch một đoạn tiếng Hàn sang tiếng Việt
- Dịch đoạn văn về ngữ pháp tạo sinh sang tiếng Việt.
- 8) Bài tập yêu cầu viết triển khai ý tưởng ngẫu nhiên với một câu cho trước
- Viết đoạn văn ngắn về đặc trưng của ngôn ngữ đơn lập với câu mở đoạn gợi ý.
- 9) Bài tập yêu cầu vẽ biểu đồ xác định các yếu tố/thành phần của hệ thống
- Hoàn thành biểu đồ từ loại

3.2. Bài tập rèn kỹ năng kết hợp

- 1) Hỏi - trả lời về nội dung của bài/đoạn, sau đó viết tổng hợp nội dung
- Người dạy hướng dẫn người học sử dụng biểu thức hỏi thực hiện hành động hỏi trực tiếp hoặc hành động hỏi gián tiếp, yêu cầu người học hỏi và trả lời về nội dung của bài/đoạn; sau đó viết tóm tắt tổng hợp các nội dung quan trọng. Có thể thực hiện dưới hình thức hoạt động cá nhân hoặc cặp/nhóm, trên lớp hoặc ở nhà, khẩu ngữ hoặc bút ngữ.
- 2) Đọc hiểu và tóm tắt nội dung bài học
- Đọc hiểu và tóm tắt văn bản cho trước hoặc phát trên lớp bằng cách lập dàn ý/vẽ sơ

đồ/bảng, viết đoạn; có thể thực hiện dưới hình thức hoạt động cá nhân hay cặp/nhóm, trên lớp hay ở nhà.

3) Viết và thuyết trình/nghe và nhận xét về vấn đề/nội dung yêu cầu

Tiến hành so sánh các vấn đề/phạm trù từ vựng tiếng Hàn với tiếng Việt, viết tiểu luận và thuyết trình, thảo luận; có thể thực hiện dưới hình thức hoạt động cá nhân hoặc cặp/nhóm.

4) Thảo luận/lập dàn ý hoặc tóm tắt nội dung thảo luận

Đưa ra các vấn đề tồn tại của ngôn ngữ trong sử dụng (ngôn ngữ lớp trẻ, tiếng lóng, từ tục ...), thảo luận theo nhóm, viết tổng hợp ý kiến thảo luận...

4. Một vài suy ngẫm

4.1. Một số khó khăn, tồn tại

Khó khăn lớn nhất phải kể đến chính là áp lực tâm lý của người học khi tiếp xúc với các môn lý thuyết ngôn ngữ, đặc biệt lại phải học bằng ngoại ngữ. Bên cạnh đó, vốn kiến thức về ngôn ngữ tiếng Việt của người học còn mỏng và thiếu hệ thống. Trong thực tế, người học chỉ có cơ hội học môn Việt ngữ (bắt buộc, 3 tín chỉ). Nếu chọn thêm môn Tiếng Việt thực hành, các em cũng chỉ có thêm cơ hội tìm hiểu về Tiếng Việt thêm 2 tín chỉ [1].

Lượng kiến thức và thuật ngữ chuyên ngành của môn NNH1 vừa rộng (bao quát các phân ngành NNH và đi sâu vào Từ vựng học) vừa trừu tượng, lại bị hạn chế bởi thời lượng trên lớp nên người dạy gặp nhiều khó khăn khi thiết kế và thực hiện các hoạt động học nhằm củng cố, khắc sâu và vận dụng kiến thức cho người học.

Khó khăn cuối cùng phải kể đến là năng lực ngoại ngữ của một số sinh viên hơi yếu so với yêu cầu của môn học. Một số sinh viên chưa thể đạt Chuẩn đầu ra ngay sau khi kết thúc hai năm học đầu tiên của khóa học. Trong thực tế, người học mới tiếp xúc và học tiếng Hàn trong một thời gian ngắn, vốn vẹn có 4 kì học.

4.2. Đề xuất và giải pháp

Theo chúng tôi, cần tư vấn cho người học ưu tiên lựa chọn môn Tiếng Việt thực hành hoặc môn Phương pháp nghiên cứu khoa học. Điều này nhằm tạo cơ hội thụ đắc vốn kiến thức nền đầy đủ hơn về lí luận và thực tiễn tiếng Việt hay hình thành và phát triển tư duy khoa học, tạo điều kiện để người học có thể tiếp thụ kiến thức lí thuyết tiếng bằng ngoại ngữ.

Người dạy cần đầu tư thời gian và tâm sức để chọn lọc và xử lí nội dung dạy nhằm truyền đạt cho người học những kiến thức cơ bản nhất, phù hợp với trình độ người học và mục tiêu môn học, chuẩn đầu ra của CTĐT....Chú ý tổ chức các hoạt động học cá nhân hay theo nhóm một cách hiệu quả và linh hoạt nhằm tạo hứng thú cho người học; luôn lắng nghe ý kiến phản hồi của người học và kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy - học cho phù hợp. Bên cạnh đó, cần quan tâm đến các sinh viên học yếu, động viên và sâu sát giúp đỡ để người học vượt qua được khó khăn, đáp ứng được yêu cầu của môn học.

Kết luận

Bài viết là kết quả vận dụng đường hướng giao tiếp vào thực tế giảng dạy các môn lí

thuyết ngôn ngữ. Các hoạt động học tập, các dạng bài tập đề cập trong bài viết tuy đã được áp dụng trong thực tiễn nhưng chưa phát triển thành hệ thống và chưa được đánh giá chính thức nên còn tồn tại ít nhiều hạn chế. Để giúp người học có thể thụ đắc và vận dụng các kiến thức và kĩ năng mục tiêu một cách hiệu quả nhất, cần xây dựng cho môn học bộ giáo trình, tài liệu tham khảo đạt chuẩn (được chuyên gia góp ý, thẩm định; được dạy thử nghiệm và cập nhật); không ngừng bồi dưỡng giáo viên và điều chỉnh phương pháp tổ chức dạy - học. Đây cũng là các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp theo liên quan đến đề tài này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (Ban hành kèm theo Quyết định số 4062 /QĐ – ĐT, 29/ 11/ 2012 của Giám đốc ĐHQGHN).
- [2] Hoàng Thị Yên, Hướng biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo các môn lí thuyết tiếng Hàn, Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học thuộc chương trình đào tạo đại học mới, Trường ĐHNN - ĐHQGHN, 2014, tr. 62-83.
- [3] Đề cương môn Ngôn ngữ học 1, Khoa NN & VH Hàn Quốc, 2013.
- [4] Tập bài giảng Ngôn ngữ học 1 (tiếng Hàn), Khoa NN & VH Hàn Quốc, 2013.

Methods of Teaching the Course on Korean Linguistics: A Practical Reflection

Hoàng Thị Yên

*Faculty of Korean Linguistics and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The article is the result of applying the communicative approach to teaching Korean linguistics. The article suggests methods of teaching linguistics through learning activities and systematic exercises to strengthen their knowledge. To help learners acquire and use what they learn effectively, it is necessary to build up the standard source of Korean linguistic materials as well as to train teachers and improve teaching - learning methods.

Keywords: Korean Linguistics, learning activity, method of teaching, Linguistics, Korean.